

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/HS-ST
Ngày 15-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Ông Nguyễn Trí

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Trúc Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn C, sinh năm 1961 tại H; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Đoàn Thị V; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Án số 41/1990/HSST ngày 24/8/1990, Tòa án nhân dân huyện An Hải (nay là huyện An Dương) thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo 24 tháng thử thách về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ ngày 09/01/2019, tạm giam ngày 10/01/2019; có mặt.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963 tại H. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07/01/2019, tạm giam ngày 10/01/2019; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 07/01/2019, Phạm Văn C đến nhà Nguyễn Văn Đ gặp và đưa cho Đ 400.000đồng nhờ mua ma túy để cả hai cùng sử dụng. Đ đồng ý và điều khiển xe máy nhãn hiệu FEELING màu xanh biển kiểm soát: 34M7-8478 vào trong ngõ 30 T, quận L, H. Tại đây, Đ gặp và mua của một người phụ nữ không quen biết 400.000đồng được 02 gói ma túy được gói bằng giấy màu trắng, bên ngoài bọc nilon. Mua xong, Đ cất số ma túy vào trong găng tay đang đeo ở bên tay phải rồi đi về thì bị Tổ công tác Công an phường Cát Dài cùng lực lượng Phòng chống tội phạm về ma túy số 1 Cảnh sát biển đang làm nhiệm vụ phát hiện và theo dõi, khi tới khu vực trước cửa nhà số 18 H, phường H, quận H, H thì dừng được xe của Đ. Tiến hành kiểm tra, thu giữ của Đ 02 gói giấy chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy cùng chiếc xe máy, sau đó dẫn giải về trụ sở Công an phường Cát Dài lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số 14/KLGĐ(Đ6) ngày 10/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng trong 02 gói giấy thu giữ của Nguyễn Văn Đ là heroine, có khối lượng 0,3466gam.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ khai nhận: Vào khoảng 10 giờ ngày 07/01/2019, Phạm Văn C đã đưa cho Đ 400.000đồng để nhờ mua ma túy về cùng sử dụng. Đ đồng ý và điều khiển xe máy đến khu vực ngõ 30 T, quận L, H mua của một phụ nữ không quen biết 02 gói ma túy với giá 400.000đồng. Trên đường về nhà, khi đến khu vực trước cửa nhà số 18 H, phường H, quận H, H thì bị lực lượng công an kiểm tra bắt giữ. Ngoài ra, Đ còn khai: Trước khi bị bắt khoảng 01 tháng, C đưa 400.000đồng cho Đ để mua 02 gói ma túy về cả hai cùng sử dụng, Đ cũng mua ma túy của người phụ nữ trên.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn C khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn Đ về việc C đã đưa 400.000đồng cho Đ để nhờ mua ma túy về cùng sử dụng, trên đường Đ đi mua ma túy về thì bị Cơ quan công an kiểm tra bắt giữ cùng vật chứng. Trước đó khoảng 01 tháng, C cũng đưa 400.000đồng nhờ Đ mua 02 gói ma túy rồi cả hai cùng sử dụng. Việc Đăng mua ma túy ở đâu, của ai thì C không biết.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 19 tháng 4 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đã truy tố Phạm Văn C và Nguyễn Văn Đ đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Văn C mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Đ mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Do các bị cáo không nghề nghiệp, không thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong lượng ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói và 01 đôi găng tay len.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng, báo cáo bắt giữ, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào hồi 10 giờ ngày 07/01/2019, bị cáo Phạm Văn C và bị cáo Nguyễn Văn Đ đã cùng nhau thực hiện hành vi cất giữ trái phép 0,3466g (không phẩy ba bốn sáu sáu gam) heroine với mục đích để sử dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo

Phạm Văn C và Nguyễn Văn Đ đồng phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy vi phạm điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy; làm suy thoái đạo đức, lối sống và là nguyên nhân làm phát sinh những tội phạm khác. Heroine là chất ma túy rất độc, tuyệt đối cấm sử dụng, việc sử dụng chất này chỉ trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của mình các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cất giữ trái phép để sử dụng, tội phạm các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và quyết tâm phạm tội cao. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo một mức án nghiêm, bắt cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Bị cáo C là người khởi xướng và bỏ tiền ra mua ma túy; bị cáo Đ tiếp nhận ý chí của bị cáo C và trực tiếp đi mua ma túy để về cùng sử dụng. Do vậy, vai trò phạm tội của bị cáo C cao hơn vai trò phạm tội của bị cáo Đ.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình nên cần căn cứ vào điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

Xét nhân thân bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo C có 01 tiền án, tuy đã được xóa án tích nhưng qua đó cũng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo C là kém, bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo C cao hơn bị cáo Đ.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Do các bị cáo không nghề nghiệp, không thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[7] Số ma túy mà cơ quan Công an thu giữ khi bắt giữ các bị cáo, sau khi lấy đi giám định lượng còn lại xét là vật Nhà nước cấm lưu hành nên căn cứ vào điểm

c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy;

[8] Đối với 01 đôi găng tay thu giữ của bị cáo Đxét không còn giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Về các vấn đề khác:

[9] Đối với đối tượng bán ma túy cho Đ do chưa xác định được căn cước lai lịch nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không có căn cứ để xử lý.

[9] Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 34M7-8478 thu giữ của bị cáo Đ, quá trình điều tra Đ khai mượn của chị T là hàng xóm làm nghề cầm đồ. Tiến hành xác minh, có bà Đỗ Thị T, sinh năm 1974, trú tại: Thôn H, xã H, huyện A, H nhưng vắng mặt tại địa phương từ tháng 1/2019. Xác minh tại Phòng cảnh sát giao thông thành phố Hải Phòng thì chủ phương tiện là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974, địa chỉ: thôn Đ, xã K, H, cuối năm 2013 chị T đã bán xe cho người nam giới không quen biết và bàn giao toàn bộ giấy tờ. Giám định số khung, số máy không bị sửa chữa hay tẩy xóa. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên tiếp tục lưu giữ chiếc xe trên để điều tra, có kết quả sẽ xử lý sau.

[10] Việc bà Nguyễn Thị H khai thấy C đưa tiền cho Đ rồi Đ lấy xe đi đâu, làm gì thì bà không biết nhưng bà nghĩ đi mua ma túy. Quá trình điều tra chưa đủ cơ sở chứng minh bà H biết rõ việc C và Đ mua trái phép chất ma túy nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không có căn cứ để xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn C 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 09 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 21 (hai mươi một) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Về xử lý tang vật: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong lượng ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói và 01 đôi găng tay len.

(Theo đúng Biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Phạm Văn C và Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- các bị cáo;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Cơ quan CSĐT CA quận Lê Chân;
- Cơ quan THAHS CA quận Lê Chân;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Sở tư pháp TP Hải Phòng;
- PV 27 CATP Hải Phòng;
- UBND xã H, A, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương